

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Ngô Hồng Lan Thảo.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Việt Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2025/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1976; thường trú: Số A (số cũ D) đường A, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Trần Phương H, sinh năm 1972; thường trú: Số A (số cũ D) đường A, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nhưng theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 25 tháng 12 năm 2024, lời khai trong quá trình tố tụng, bà T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Phương T và ông Trần Phương H tự nguyện yêu nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, (nay là phường D, thành phố D) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 169/97, quyển số 01 ngày 22/9/1997. Hôn nhân của bà T và ông H là tự nguyện, có sự chấp thuận của gia đình hai bên. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T và ông H chung sống hạnh

phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống với ông H. Ông H không quan tâm đến vợ và các con, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rượu chè sau đó về chửi bới vợ con. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T xác định tình cảm giữa bà T và ông Trần Phương H không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Phương H.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có hai cháu Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 24/6/1999 và Trần Ngọc An K, sinh ngày 04/12/2004 đã trưởng thành nên bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn ông Trần Phương H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Trần Phương H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương Thảo nhưng ông H không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Phương H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 13/02/2025 nhưng ông H vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết án:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Trần Phương H đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T và ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Phương T và ông Trần Phương H có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện T (nay là phường D, thành phố D) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 169/97, quyển số 01 cấp ngày 22/9/1997 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND phường D ngày 20/01/2025 thể hiện: Mâu thuẫn của bà T và ông H chính quyền địa phương không rõ, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Phương T xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa và có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải đoàn tụ. Ông Trần Phương H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên ông H không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án và cũng không lên tòa làm việc, điều này cho thấy ông H cũng bỏ mặc quan hệ hôn nhân với bà T khi đang đứng trên bờ vực tan vỡ, không có thiện chí hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn của bà T và ông H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có hai cháu Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 24/6/1999 và Trần Ngọc An K, sinh ngày 04/12/2004 đã trưởng thành nên bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông Trần Phương H (Giấy chứng nhận kết hôn số 169/97, quyển số 01 do UBND thị trấn D, huyện T (nay là phường D, thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 22 tháng 9 năm 1997).

2. Về con chung: con chung đã trưởng thành, bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007623 ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thắm